

Bản án số: 43/2021/DS-ST

Ngày 17 - 9 - 2021

V/v “*Tranh chấp hợp đồng mượn tiền*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Văn Diện**

Hội thẩm nhân dân: Ông **Huỳnh Thanh Trà** và ông **Huỳnh Tiến**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Phương Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 17 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 41/2021/TLST-DS ngày 20.4.2021 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mượn tiền*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2021/QĐXXST-DS ngày 29.7.2021; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 56/2021/TB-TA ngày 12.8.2021 và Thông báo mở phiên tòa số: 08/2021/TB-TA ngày 07.9.2021, giữa:

Nguyên đơn: Ông **Phan Văn B** - Sinh năm 1957.

Địa chỉ: 189 N, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

Bị đơn: Ông **Lê Xuân T** - Sinh năm 1978.

Địa chỉ thường trú: 76 H, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Nơi ở hiện nay: 251 B, phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27 - 4 - 2021; đơn bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 21 - 6 - 2021 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Phan Văn B trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên tôi đã cho ông Lê Xuân T mượn tiền nhiều lần, cụ thể như sau: Ngày 01.12.2016 cho mượn số tiền 100.000.000 đồng, thời gian mượn là 07 tháng; ngày 11.10.2017 cho mượn số tiền 200.000.000 đồng, thời gian mượn là 01 tháng; ngày 05.4.2018 cho mượn số tiền 100.000.000 đồng, khi cần lấy lại thì thông báo trước 15 ngày. Tuy nhiên khi đến thời hạn trả nợ, mặc dù tôi đã rất nhiều lần yêu cầu nhưng ông Lê Xuân T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho tôi như đã thỏa thuận. Vì vậy, tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Xuân T phải trả cho tôi số tiền tổng cộng là 400.000.000 đồng, tôi không yêu cầu tính lãi.

Tại Đơn trình bày ý kiến đề ngày 17 - 6 - 2021 và lời khai trong quá trình tố tụng, bị đơn ông Lê Xuân T trình bày:

Tôi thống nhất xác nhận đã nhiều lần mượn tiền của ông Phan Văn B và tổng số tiền đã mượn là 400.000.000 đồng. Mặc dù giấy mượn tiền không có thỏa thuận trả tiền lãi, nhưng thực tế tôi có trả tiền lãi cho ông Phan Văn B cho đến hết năm 2019. Sau đó, do khó khăn về kinh tế nên tôi chỉ xin trả tiền gốc. Năm 2020, tôi đã trả được cho ông Phan Văn B số tiền hơn 40.000.000 đồng. Nay ông Phan Văn B yêu cầu tôi phải trả dứt điểm số tiền 400.000.000 đồng, thì tôi không có khả năng trả một lần, tôi xin trả dần hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Phan Văn B xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 200.000.000 đồng theo Giấy biên nhận mượn tiền mặt ngày 11.10.2017. Đồng thời thống nhất xác nhận ông Lê Xuân T đã trả được 20.000.000 đồng tiền gốc và yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Xuân T phải trả cho ông Phan Văn B số tiền còn nợ là 180.000.000 đồng.

Bị đơn ông Lê Xuân T không có ý kiến đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn B. Đồng thời xác nhận còn nợ ông Phan Văn B số tiền gốc 180.000.000 đồng và giữ nguyên ý kiến xin được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Phan Văn B khởi kiện yêu cầu ông Lê Xuân T phải trả lại số tiền đã mượn là tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Lê Xuân T có nơi cư trú tại quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2]. Về giải quyết yêu cầu của đương sự: Tại đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 21.6.2021, ông Phan Văn B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Xuân T phải trả số tiền còn nợ là 400.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông Phan Văn B có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 200.000.000 đồng theo Giấy biên nhận mượn tiền mặt ngày 11.10.2017. Do đó, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ giải quyết một phần yêu

cầu khởi kiện của ông Phan Văn B và có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Theo Giấy biên nhận mượn tiền mặt đề ngày 01.12.2016, ông Lê Xuân T đã mượn ông Phan Văn B số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn mượn 07 tháng, đây là khoản tiền mượn có xác định thời hạn trả. Theo Giấy biên nhận mượn tiền mặt ngày 05.4.2018, ông Lê Xuân T đã mượn ông Phan Văn B số tiền 100.000.000 đồng, khi cần thu hồi nợ sẽ thông báo trước 15 ngày, đây là khoản tiền mượn không xác định thời hạn trả. Khi muốn lấy lại số tiền đã cho mượn, mặc dù ông Phan Văn B đã có yêu cầu nhưng ông Lê Xuân T chỉ trả được số tiền 20.000.000 đồng là không thực hiện đúng thỏa thuận, vi phạm nghĩa vụ của bên mượn tài sản theo quy định tại Điều 496 Bộ luật Dân sự. Ông Lê Xuân T xin được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền 180.000.000 đồng, nhưng không được ông Phan Văn B chấp thuận. Căn cứ Điều 499 Bộ luật Dân sự, thì việc ông Phan Văn B khởi kiện yêu cầu ông Lê Xuân T phải trả lại số tiền 180.000.000 đồng là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[3] Đối với ý kiến của ông Lê Xuân T cho rằng sau khi mượn tiền, hàng tháng đã trả cho ông Phan Văn B một khoản tiền lãi. Tuy nhiên, các bên không có tranh chấp và không yêu cầu gì nên không đề cập đến.

[4] Về án phí: Ông Phan Văn B là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí và thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Do yêu cầu của nguyên đơn ông Phan Văn B được chấp nhận, nên bị đơn ông Lê Xuân T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 9.000.000 đồng (180.000.000 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 2 Điều 244; Điều 266 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 494, 495, 496, 498 và 499 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn B đối với số tiền 200.000.000 đồng theo Giấy biên nhận mượn tiền mặt ngày 11.10.2017. Ông Phan Văn B có quyền khởi kiện lại đối với phần yêu cầu đã rút theo quy định của pháp luật.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về “*Tranh chấp hợp đồng mượn tiền*” của ông Phan Văn B đối với ông Lê Xuân T.

Xử:

2.1. Buộc ông Lê Xuân T phải trả cho ông Phan Văn B số tiền 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.2. Về án phí: Buộc ông Lê Xuân T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng).

2.3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Văn Diện